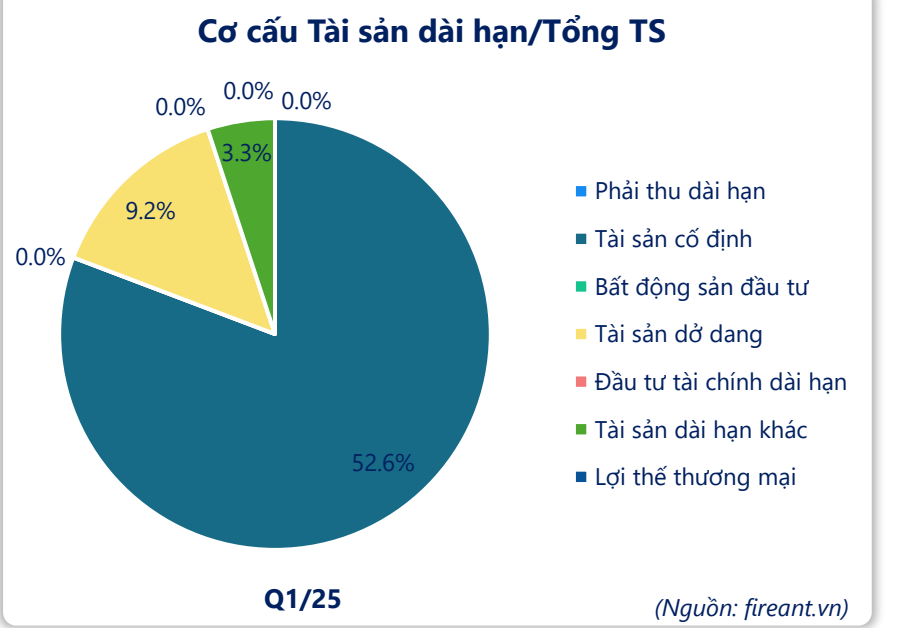
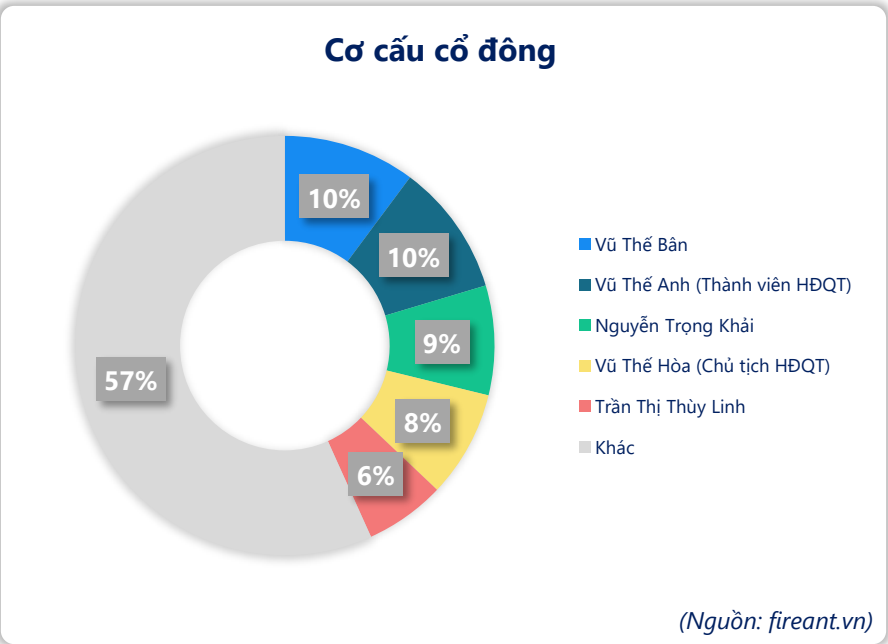
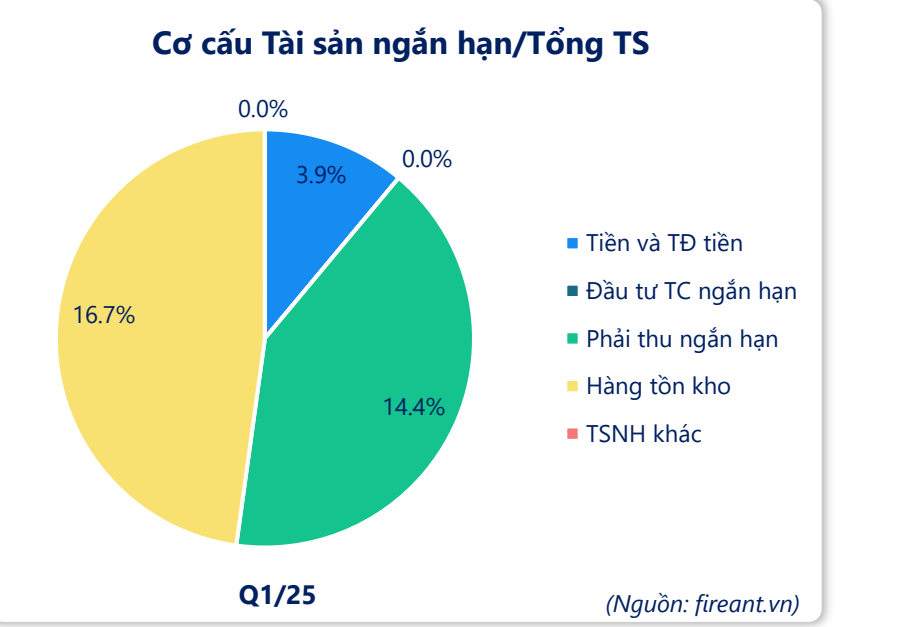
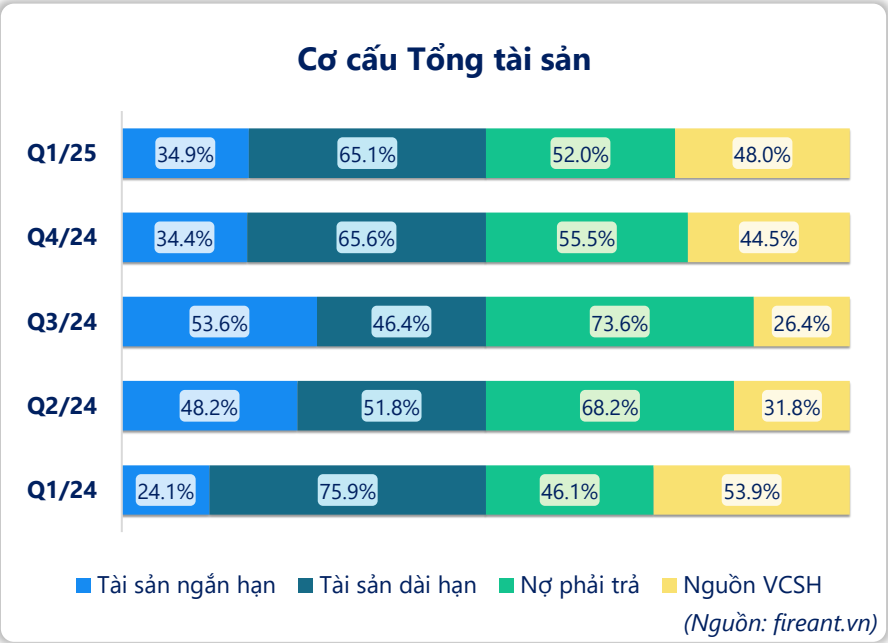
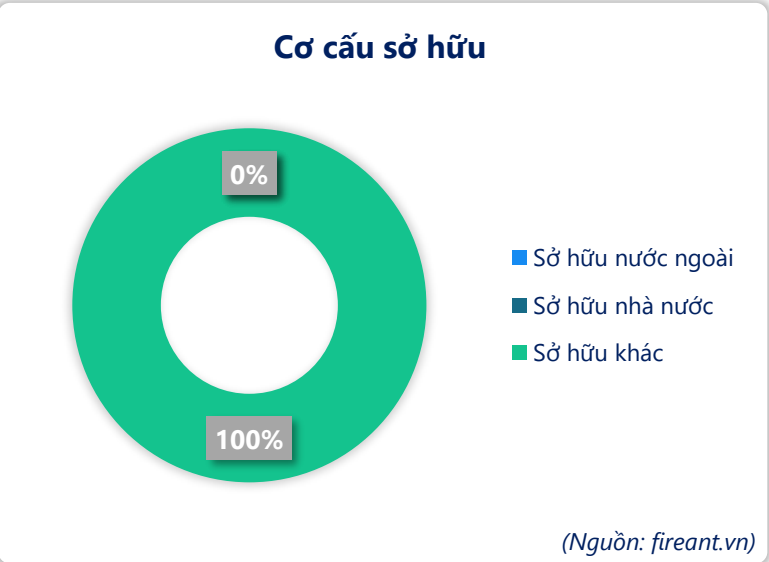
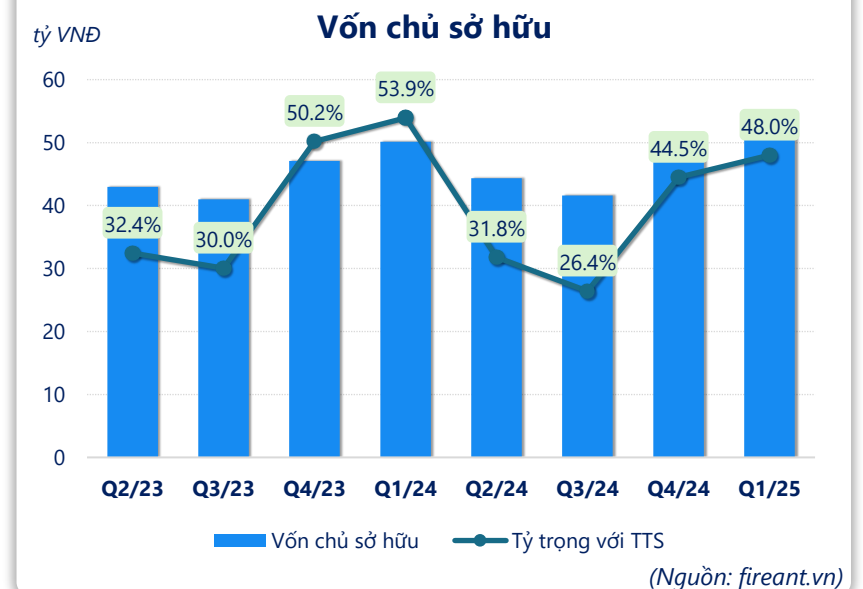
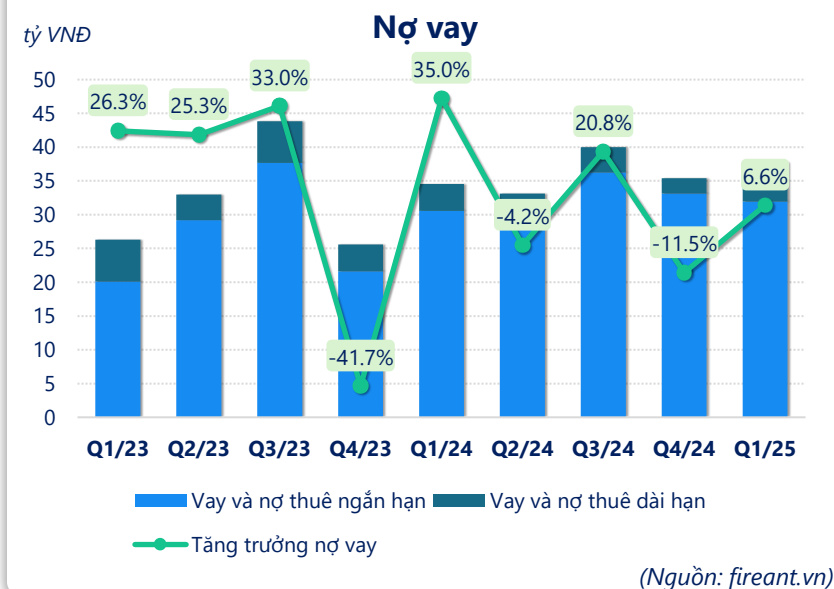
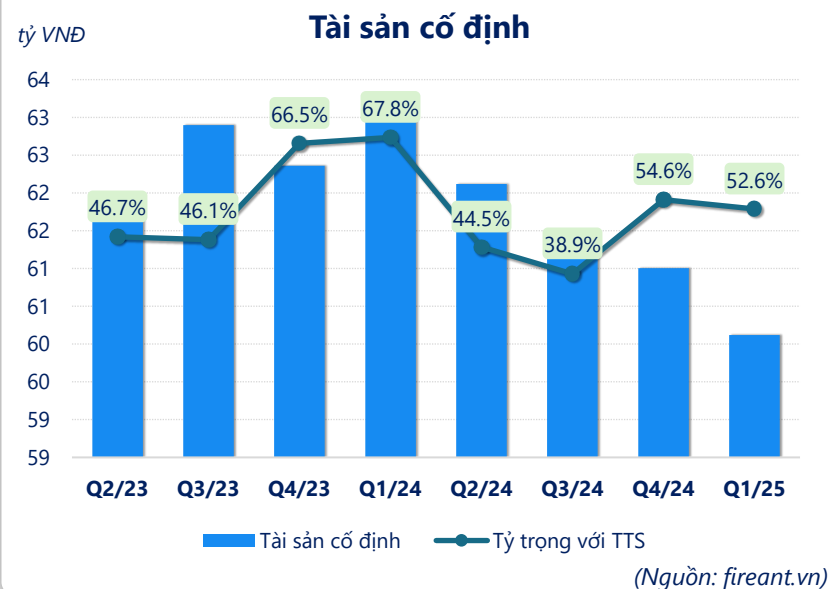
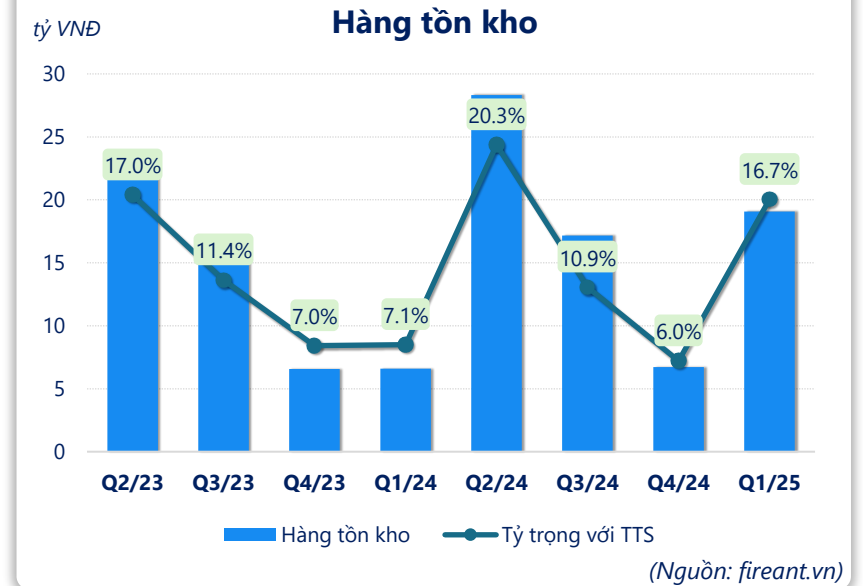
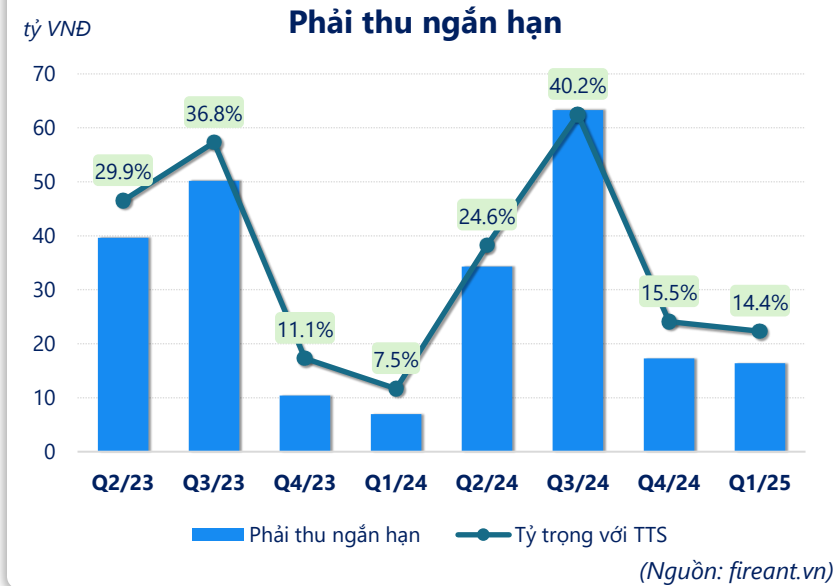
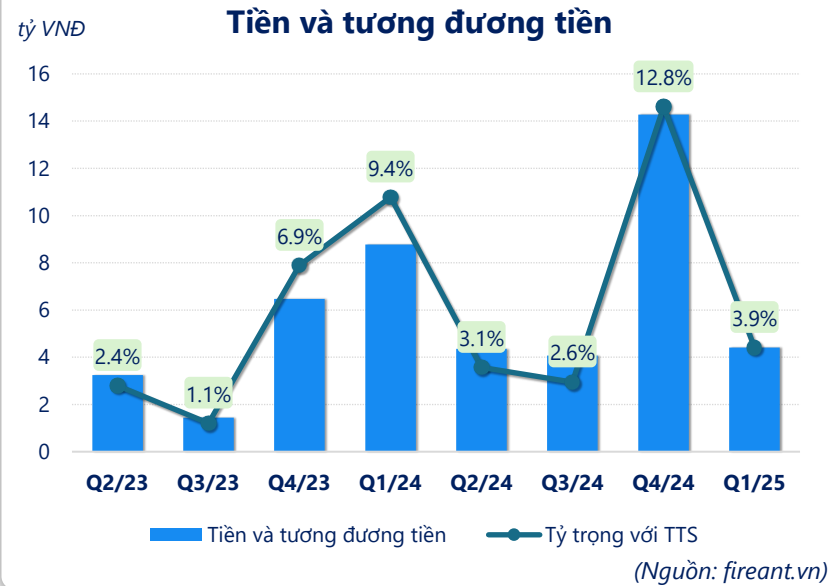
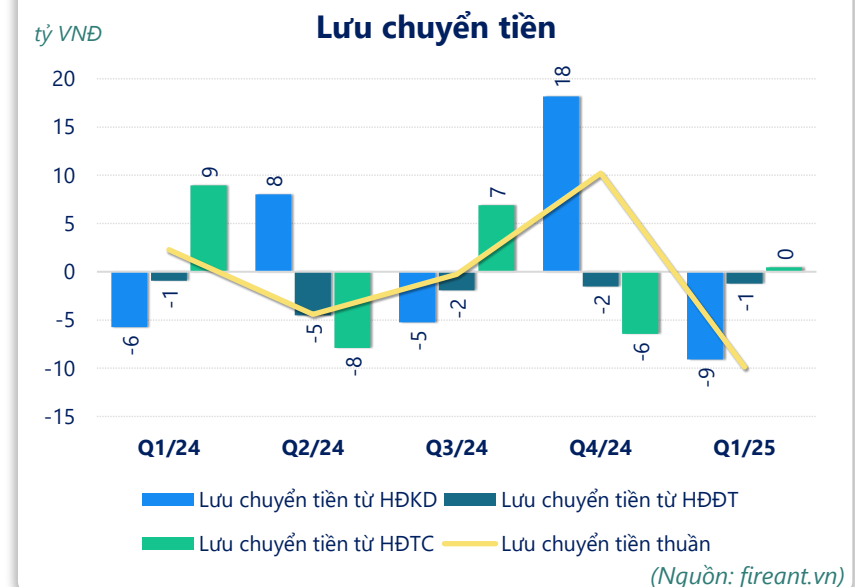
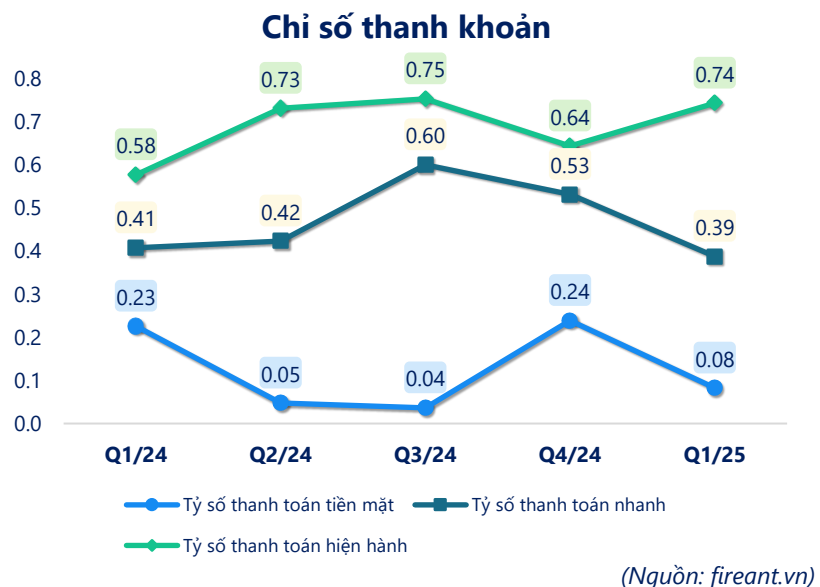
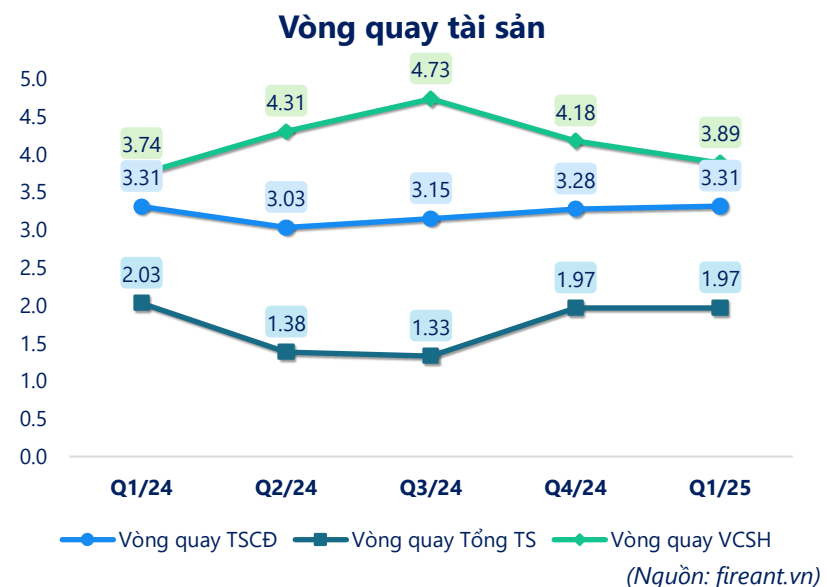
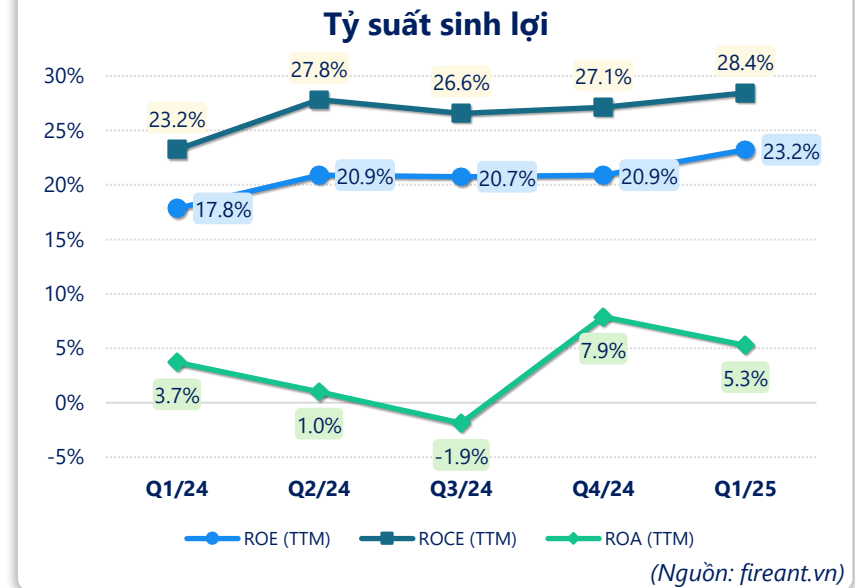
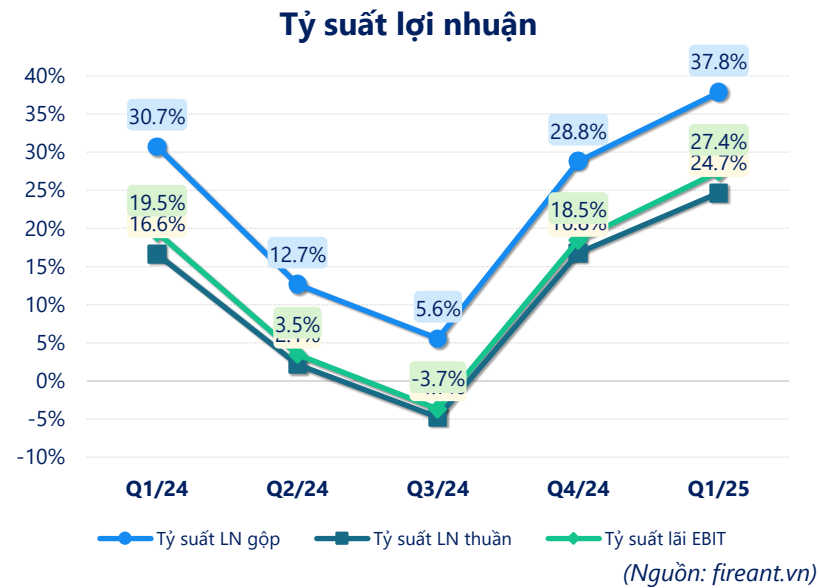
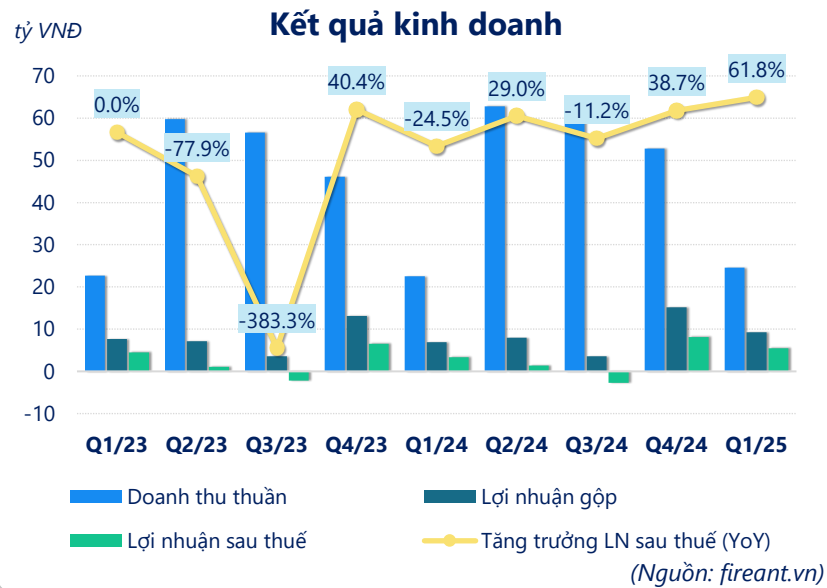


Thông tin giao dịch		31/03/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		30,000
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		30,000
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		16,742
SL cổ phiếu LH		3,240,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)		250
% sở hữu nước ngoài		0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		97
P/E		8.0
EPS		3,763

	YTD	1T	3T	6T
QST	46.3%	65.7%	46.3%	46.3%
VNINDEX	2.9%	-0.4%	2.7%	1.1%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/3/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	114	112	2.3%
Tài sản ngắn hạn	39.9	38.3	4.1%
Tiền và tương đương tiền	4.41	14.3	-69.1%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	
Phải thu ngắn hạn	16.4	17.1	-4.3%
Hàng tồn kho	19.1	6.72	184%
Tài sản ngắn hạn khác	0.00	0.19	-101%
Tài sản dài hạn	74.4	73.4	1.3%
Phải thu dài hạn	0	0.15	-100%
Tài sản cố định	60.1	61.0	-1.4%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	10.6	8.47	24.6%
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	3.76	3.82	-1.5%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	59.5	62.1	-4.2%
Nợ ngắn hạn	53.7	59.8	-10.2%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	31.9	33.1	-3.5%
Phải trả người bán ngắn hạn	12.3	7.57	62.8%
Nợ dài hạn	5.78	2.30	152%
Vay và nợ thuê dài hạn	5.78	2.30	152%
Nguồn vốn chủ sở hữu	54.9	49.7	10.4%
Vốn chủ sở hữu	54.9	49.7	10.4%
Vốn điều lệ	32.4	32.4	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25
Doanh thu thuần	22.6	62.8	63.9	52.8	24.5
Giá vốn hàng bán	15.6	54.8	60.4	37.6	15.3
Lợi nhuận gộp	6.93	7.94	3.55	15.2	9.29
Doanh thu HĐTC	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00
Chi phí TC	0.64	0.66	0.69	0.64	0.67
Chi phí lãi vay	0.64	0.66	0.69	0.64	0.67
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	1.13	4.41	3.03	2.46	1.20
Chi phí QLDN	1.41	1.53	2.87	3.22	1.37
LN thuần từ HĐKD	3.75	1.35	-3.03	8.87	6.05
Lợi nhuận khác	0	0.17	-0.01	0.25	0.02
LN trước thuế	3.75	1.51	-3.04	9.12	6.07
Lợi nhuận sau thuế	3.38	1.36	-2.74	8.10	5.46
LNST của CĐ cty mẹ	3.38	1.36	-2.74	8.10	5.46

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-5.74	8.01	-5.24	18.2	-9.10
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-0.92	-4.52	-1.92	-1.54	-1.23
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	8.96	-7.91	6.88	-6.43	0.46
Tiền đầu kỳ	6.47	8.77	4.35	4.07	14.3
Lưu chuyển tiền thuần	2.30	-4.42	-0.28	10.2	-9.87
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	8.77	4.35	4.07	14.3	4.41

(Nguồn: fireant.vn)